

Địa phương: Minh Tân
Biểu số: 15/GNN-2016
Khổ biểu: 19 x 27

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN
(Tính từ ngày ..02/2006... Đến3/1997.....)

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024
Thôn Tân Tiến 12 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngách. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Trần Thái Bảo 16/8/1997	Xóm 3 Tân tiến	Xóm 3 Tân tiến	Nông dân Phụ thuộc	12/12 CD	Trần Văn Diện, SN 1975 Chết năm 2023	
2	Hoàng Quốc Việt 29/11/1999	Xóm 3 Tân Tiến	Xóm 3 Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	CĐĐTĐL	Hoàng Đình Lũy Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Thanh Nghề nghiệp; Làm ruộng	
3	Vũ Văn Hiền 23/10/1999	Xóm 3 Tân Tiến	Xóm 3 Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Thị Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Hà Nghề nghiệp; Làm ruộng	
4	Doãn Trùng Trãi 12/3/1999	Xóm 1 Tân tiến	Xóm 1 Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	Đoàn	Doãn Trung Trường, 1969 Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị-Liệu, 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Trần Trung Hải 12/01/1999	Xóm 4 Tân Tiến	Xóm 4 Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	ĐH Bách khoa HN 2017	Trần Văn Nhân Nghề nghiệp: Làm ruộng Bùi Thị Hương Nghề nghiệp: Làm ruộng	
6	Nguyễn Viết Hùng 19/10/2000	Xóm 02 Tân Tiến	Xóm 02 Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	ĐH Đoàn	Nguyễn Văn Huỳnh Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Thu Nghề nghiệp; Làm ruộng	
7	Nguyễn Huy Hoàng 11/01/2000	Xóm 02 Tân Tiến	Xóm 02 Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	ĐHBKH N 2018	Nguyễn Văn Bang, SN 1977 Nghề nghiệp: Làm ruộng Hoa Ngọc Lan, SN 1982 Nghề nghiệp: Làm ruộng	

8	Trần Công Minh 20/9/2000	Xóm 04 Tân Tiến	Xóm 04 Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	ĐH diện lực 2018	Trần Văn Huỳnh, SN 1978 Nghề nghiệp: Làm ruộng Quách Thị Tuyết, SN 1981 Nghề nghiệp: Làm ruộng	
9	Trịnh Thế Viên 24/02/2001	Xóm 2, Tân Tiến	Xóm 2, Tân Tiến	Nông dân Phụ thuộc	ĐHKD và CN Hà nội 8/2019	Trịnh Văn Út Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Nguyệt Nghề nghiệp; Làm ruộng	
10	Nguyễn Công Minh 23/4/2002	Xóm 04 Tân tiến	Xóm 04 Tân tiến	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Viết Tăng Nghề nghiệp; Làm ruộng Lê Thị Nhên Nghề nghiệp; Làm ruộng	
11	Vũ Đức Tài 20/7/2004	Xóm 2 Tân tiến	Xóm 2 Tân tiến	Nông dân Phụ thuộc	9/12 Đoàn	Vũ Văn Điều SN; 1982 Nghề nghiệp; Làm ruộng Đoàn Thị Hà Sn; 1985 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
12	Trần Huy Hoàng 23/01/2005	Tân tiến- Minh Tân	Tân tiến- Minh Tân	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Xuyên Nghề nghiệp; Làm ruộng Bùi Thị Vân Nghề nghiệp; Làm ruộng	

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024
Thôn Nghĩa Vũ 10 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngành. - Bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Nguyễn Văn Huy 26/6/2000	Xóm 05 Nghĩa Vũ	Xóm 05 Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Tiến Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Hương Nghề nghiệp; Làm ruộng	
2	Nguyễn Văn Lộc 02/01/2001	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Phúc SN 1977 Nghề nghiệp: làm ruộng Nguyễn Thị Thưa SN 1981 Nghề nghiệp: làm ruộng	
3	Nguyễn Việt Anh 23/9/2001	Xóm 5 Nghĩa Vũ	Xóm 5 Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH KT Quốc dân 8/2019	Nguyễn Văn Ánh Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Thúy Vinh Nghề nghiệp; Giáo Viên	
4	Nguyễn Văn Thái 01/12/2001	Xóm 05. Nghĩa Vũ	Xóm 05 Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Bắc Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Dung Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Nguyễn Mai Hiệp 16/9/2004	Xóm 7 nghĩa Vũ	Xóm 7 nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Thanh Tuyền Nghề nghiệp; Làm ruộng Mai Thị Lương Nghề nghiệp; Làm ruộng	
6	Nguyễn Hoàng Long 21/12/2005	Xóm Nghĩa Vũ	Xóm Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Hoàng Anh Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Hương Nghề nghiệp; Làm ruộng	

7	Nguyễn Văn Thọ 13/11/2005	Xóm 5 Nghĩa Vũ	Xóm 5 Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Phúc Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Thưa Nghề nghiệp; Làm ruộng	
8	Nguyễn Trung Kiên 03/4/2005	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Táp Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Biệt Nghề nghiệp; Làm ruộng	
9	Phạm Đình Tấn Tài 13/11/2005	Xóm Nghĩa Vũ	Xóm Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Phạm Đình Khải Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Nguyệt Nghề nghiệp; Làm ruộng	
10	Nguyễn Văn Duy 02/12/2005	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Phách Nghề nghiệp; Làm ruộng Lê Thị Lương Nghề nghiệp; Làm ruộng	

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN NĂM 2024
Thôn Duyệt Văn 08 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm,ngạch. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Hoàng Hải Nam 16/7/1998	Xóm 08 Duyệt Văn	Xóm 08 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Văn Chúc, SN Nghề nghiệp; (Chết năm 2016) Trần Thị Tân, SN Nghề nghiệp; Làm ruộng	
2	Hoàng Văn Đạo 29/10/1998	Xóm 9 Duyệt văn	Xóm 9 Duyệt văn	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Văn Dân Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Lương Nghề nghiệp; Làm ruộng	
3	Hoàng Minh Hiếu 22/10/1999	Xóm 9 Duyệt Văn	Xóm 9 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Văn Hà Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Nhung Nghề nghiệp; Làm ruộng	
4	Nguyễn Văn Hoàng 21/9/1999	Xóm 09, Duyệt Văn	Xóm 09 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Hồng Khương Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Ngân Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Hoàng Công Anh 21/8/1999	Xóm 8 Duyệt Văn	Xóm 8 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Xuân Tình Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Phiện Nghề nghiệp; Làm ruộng	
6	Trần Văn Nam 14/01/2000	Xóm 09 Duyệt Văn	Xóm 09 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Lập SN 1973 Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Mến SN 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	

7	Hoàng Huy Hiệu 05/02/2001	Xóm 09 Duyệt Văn	Xóm 09 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	ĐHSPKT Hưng Yên 8/2019	Hoàng Văn Hà Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Nhung Nghề nghiệp; Làm ruộng	
8	Lê Anh Tùng 27/7/2005	Xóm 09 Duyệt Văn	Xóm 09 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Lê Xuân Hội Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Liễu Nghề nghiệp; Làm ruộng	

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024
Thôn Duyệt Lễ 25 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngạch. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Hoàng Văn Phú 29/3/1997	Xóm 12 Duyệt Lễ	Xóm 12 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Văn Dũng SN 197 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Thúy SN 19 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
2	Nguyễn Văn Đoàn 21/10/1997	Xóm 10 Duyệt lễ	Xóm 10 Duyệt lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Hữu Tư Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Loan Nghề nghiệp; Làm ruộng	
3	Hoàng Tuấn Vũ 24/4/1997	Xóm 13 Duyệt Lễ	Xóm 13 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Văn Nhâm SN 197 Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Xuyên SN 19 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
4	Nguyễn Đức Tĩnh 08/9/1998	Xóm 11 Duyệt lễ	Xóm 11 Duyệt lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Đức Hoan Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Hiền Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Nguyễn Nhật Quang 11/4/1999	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Trọng Nam Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Lợi Nghề nghiệp; Làm ruộng	
6	Hoàng Văn Hào 02/11/1999	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Văn Bảy Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Phương Nghề nghiệp; Làm ruộng	

7	Nguyễn Sơn Tùng 01/6/1999	Xóm 11 Duyệt Lễ	Xóm 11 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Văn Tập Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Thừa Nghề nghiệp; Làm ruộng	
8	Nguyễn Tùng Bách 25/9/1999	Xóm 13 Duyệt Lễ	Xóm 13 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Văn Duyên Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Thắm Nghề nghiệp; Làm ruộng	
9	Hoàng Ngọc Thanh 1999	Xóm 11 Duyệt Lễ	Xóm 11 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH Thăng long	Hoàng Văn Sỹ SN 197 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Thúy SN 19 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
10	Nguyễn Tùng Lâm 1999	Xóm 12 Duyệt Lễ	Xóm 12 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐHBKHN 2017	Nguyễn Hoàng Hợp Nghề nghiệp: Làm ruộng Phan Thị Vân Anh Nghề nghiệp: Làm ruộng	
11	Nguyễn Văn Hoà 09/7/1999	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Xuân Hoà Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Lân Nghề nghiệp; Làm ruộng	
12	Nguyễn Vũ Trung 23/10/2000	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH BKHN	Nguyễn Hữu Cương Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Hồng Tinh Nghề nghiệp; Làm ruộng	
13	Hoàng Trung Kiên 23/01/2000	Xóm 11 Duyệt lễ	Xóm 11 Duyệt lễ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Thuận SN 1971 Nghề nghiệp; Làm ruộng Đặng Thị Thủy SN 1972 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
14	Đỗ Anh Tuấn 11/6/2000	Xóm 11 Duyệt Lễ	Xóm 11 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐHKD& CNHN 2018	Đỗ Văn Tinh, SN Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Ánh, SN Nghề nghiệp; Làm ruộng	

15	Hoàng Mạnh Cường 03/9/2001	Xóm 12 Duyệt Lễ	Xóm 12 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Trung Kiên Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Thu Ánh Nghề nghiệp; Làm ruộng	
16	Hoàng Quân 22/10/2001	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐHSPKT Hưng Yên 8/2019	Hoàng Kỳ Nghề nghiệp; Hưu Trí Nguyễn Thị Nguyên Nghề nghiệp; Giáo viên	
17	Lê Việt Anh 04/3/2001	Xóm 13 Duyệt Lễ	Xóm 13 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐHSPKT Hưng Yên 8/2019	Lê Xuân Toàn Nghề nghiệp; Cán bộ xã Đỗ Thị Phương Thảo Nghề nghiệp; Giáo viên	
18	Hoàng Mạnh Hùng 03/5/2001	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	ĐHSPKT Hưng Yên 8/2019	Hoàng Văn Sử Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Xuân Nghề nghiệp; Làm ruộng	
19	Nguyễn Trung Nghĩa 25/01/2002	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	CĐDL&C T 2020- 2023	Nguyễn Văn Chử Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Vân Nghề nghiệp; Làm ruộng	
20	Nguyễn Hải Long 12/8/2004	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Lý Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Liễu Nghề nghiệp; Làm ruộng	
21	Nguyễn Phúc Bảo 04/3/2004	Xóm 13 Duyệt Lễ	Xóm 13 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Thanh Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị tuyền Nghề nghiệp; Làm ruộng	
22	Hoàng Văn Thượng 19/3/2005	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Kiên Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị My Nghề nghiệp; Làm ruộng	

23	Vũ Văn Hoàng 04/11/2005	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	9/12 Đoàn	Vũ Văn Hưng Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Tuyết Nghề nghiệp; Làm ruộng	
24	Nguyễn Đức Tân 31/10/2005	Xóm 10 Duyệt Lễ	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Đức Ngợi Nghề nghiệp; Chết năm 2022 Nguyễn Thị Nữ Nghề nghiệp; Làm ruộng	
25	Trần Văn Anh 27/7/2005	Xóm Duyệt Lễ	Xóm Duyệt Lễ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Mạnh Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Vân Nghề nghiệp; Làm ruộng	

Tổng: 55 Công dân (Thôn: Tân Tiến: 12 Nghĩa Vũ 10 Duyệt Văn: 08 Duyệt Lễ: 25)

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024 ĐI LÀM ĂN XÁ, VẮNG CẢ HỘ
Thôn Tân Tiến 15 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số DD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm,ngạch. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Trần Văn Hải 1999	Xóm 2 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH TPHCM	Trần Văn Trọng Nghề nghiệp; Làm ruộng Lê Thị Luyến Nghề nghiệp; Làm ruộng	TP HCM
2	Vũ Anh Quốc 01/6/1999	Xóm 1 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Thiêm Nghề nghiệp; Làm ruộng Lò Thị Tú Quỳnh Nghề nghiệp; Làm ruộng	TPHCM
3	Vũ Văn Nhi 09/6/1999	Xóm 1 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Đức Kha,SN 1973 Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Lập,SN 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	TP HCM
4	Vũ Văn Nhất 09/6/1999	Xóm 1 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Đức Kha, SN 1973 Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Lập, SN 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	TP HCM
5	Phạm Hoàng Long 2000	Xóm 02 Tân tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Phạm Văn Kiêm SN 1973 Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Đức SN 1973 Nghề nghiệp; Làm ruộng	TP HCM
6	Vũ Văn Hưng 25/9/2000	Xóm 03 Tân tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Hắc SN 1972 Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Thềm SN 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	TP HCM
7	Vũ Hoàng Việt 14/9/2001	Xóm 4 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Xuân Hưng SN: 1975 Nghề	TP HCM

						nghiệp; Làm ruộng Dương Thị Thu SN: 1977 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
8	Vũ Bằng Lăng 03/9/2003	Xóm 3 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Tùng; SN1975 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Lộc; SN1980 Nghề nghiệp; Làm ruộng	Bình Dương
9	Nguyễn Ngọc Hải 10/12/2004	Xóm 02 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Luân, SN 1975 Nghề nghiệp: làm ruộng Đoàn Thị Diễm Hương, SN 1979 Nghề nghiệp: làm ruộng	Bình dương
10	Vũ Bá Hoàng 30/4/2004	Xóm 02 Tân Tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Ngãi, SN Nghề nghiệp: làm ruộng Trần Thị Bích, SN Nghề nghiệp: làm ruộng	Bình dương
11	Vũ Bảo Long 02/01/2005	Xóm 03 Tân tiến Minh Tân	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Tùng SN; 1975 Làm ruộng Nguyễn Thị Lộc SN; 1980 Làm ruộng	Bình dương
12	Trần Tiến Đạt 10/02/2005	Xóm 04 Tân tiến	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Thị Lan SN; 1966 Nghề nghiệp: làm ruộng	Bình dương
13	Trần Anh Nam 14/5/2005	Tân tiến Minh Tân	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Bắc Nghề nghiệp: làm ruộng Đoàn Thị Tám Nghề nghiệp: làm ruộng	TPHCM
14	Phạm Xuân Hải Nam 03/10/2005	Tân tiến Minh Tân	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Phạm Văn Hiền Nghề nghiệp: làm ruộng Trần Thị Hoi Nghề nghiệp: làm ruộng	TPHCM
15	Hoàng Mạnh Dũng 24/6/2005	Tân tiến Minh Tân	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Đình Quân Nghề nghiệp: làm ruộng Phan Thị Lan Nghề nghiệp: làm ruộng	TPHCM

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024 ĐI LÀM ĂN XA, VẮNG CẢ HỘ
Thôn Duyệt Văn 02 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngạch. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Nguyễn Đức Trung 04/3/2000	Xóm 08 Duyệt Văn	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	ĐH tôn đức thắng 2018	Nguyễn Văn Hải Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Nhân Nghề nghiệp; Làm ruộng	
2	Lê Đức Long 16/3/2001	Xóm 8 Duyệt Văn	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	HVCN BCVT 8/219	Lê Văn Thắng Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Nhung Nghề nghiệp; Làm ruộng	

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024 ĐI LÀM ĂN XA, VẮNG CẢ HỘ
Thôn Duyệt Lễ 05 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngạch. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Hoàng Đức Chiến 27/5/1998	Xóm 11 Duyệt Lễ	Vắng cả hộ Gia Lai	Nông dân Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Văn Tuấn, SN 1977 Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Gọn, SN 1979 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
2	Vũ Đức Long 23/10/2001	Xóm 13 Duyệt lễ	Vắng cả hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Tuấn SN 1960(Chết) Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Biển SN 1963 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
3	Nguyễn Đức Hiếu 12/7/2003	Duyệt Lễ Minh Tân	Vắng Cả Hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Đức Thắng Nghề nghiệp: Làm ruộng Vũ Thị Huyền Nghề nghiệp: Làm ruộng	
4	Hoàng Anh Tuấn 31/3/2004	Xóm 13 Duyệt Lễ	Vắng Cả Hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Chúc, SN 1975 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Tuyền, SN 1980 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Hoàng Ngọc Phong 26/01/2005	Xóm 12 Duyệt lễ	Vắng Cả Hộ	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Ngọc Hợp SN; 1977 Làm ruộng Dương Thị Ánh SN; 1982 Làm ruộng	

Tổng: 22 Công dân (Thôn: Tân Tiến: 15 Nghĩa Vũ: 00 Duyệt Văn: 02 Duyệt Lễ: 05)

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024 ĐI XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG
Thôn Tàn Tiến 17 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngạch. - Bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Nguyễn Thành Đạt 09/6/1997	Xóm 3 Tàn Tiến	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn ĐHBK-HN	Nguyễn Văn Thạch SN 1964 Nghề nghiệp: Làm ruộng Trần Thị Mười SN 1965 Nghề nghiệp: Làm ruộng	
2	Hoàng Đình Linh 11/9/1999	Xóm 3 Tàn Tiến	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Đình Vĩnh, SN 1972 Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Chính, SN 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
3	Nguyễn Văn Học 27/10/1999	Xóm 1 Tàn Tiến	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Khơ SN 1973 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Nguyệt SN 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
4	Vũ Văn Đạt 20/8/1999	Xóm 2 Tàn Tiến	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Tuấn Nghề nghiệp; Làm ruộng Trịnh Thị Liên Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Nguyễn Văn Khang 31/8/2000	Xóm 01 Tàn tiến	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Khơi SN 1970 Nghề nghiệp; Làm ruộng Mai Thị Huệ SN 1973 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
6	Vũ Minh Hiếu 15/5/2000	Xóm 04 Tàn tiến	Ca Na Da	Nông dân Phụ thuộc	ĐH mở HN 2018	Vũ Văn Viễn, SN 1967 Nghề nghiệp: Làm ruộng Chu Thị Hồng Hạnh, SN 1973 Nghề nghiệp: Làm ruộng	

7	Trần Đức Minh 16/9/2000	Xóm 03 Tân tiến	Anh	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Tiền Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Quyên Nghề nghiệp; Làm ruộng	
8	Trần Minh Đức 27/01/2000	Xóm 01 Tân tiến	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Thắng Nghề nghiệp; Làm ruộng Đoàn Thị Nghiêm Nghề nghiệp; Làm ruộng	
9	Phạm Ngọc Anh 07/7/2000	Xóm 01 Tân tiến	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Phạm Văn Kim SN 1976 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Lan SN 1982 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
10	Trần Anh Văn 25/3/2001	Xóm 4 Tân Tiến	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Lập SN: 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng Đoàn Thị Vân SN: 1978 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
11	Trần Tiến Anh 21/7/2001	Xóm 2 Tân Tiến	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Khánh Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Hiện Nghề nghiệp; Làm ruộng	
12	Nguyễn Văn Long 22/01/2001	Xóm 4 Tân Tiến	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Phao Nghề nghiệp; Làm ruộng Trần Thị Lân Nghề nghiệp; Làm ruộng	
13	Trần Ngọc Hải 29/11/2002	Xóm 4 Tân Tiến	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Ngọc Tuyền SN 1984 Nghề nghiệp: Làm ruộng Nguyễn Thị Biển SN 1982 Nghề nghiệp: Làm ruộng	
14	Vũ Văn Cường 05/01/2002	Xóm 4 Tân Tiến	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Kiên, SN Nghề nghiệp: Làm ruộng Trần Thị Thơ, SN Nghề nghiệp: Làm ruộng	

15	Hoàng Đình Hùng 31/10/2002	Xóm 4, Tân Tiến	Nhật Bản	Xóm 4, Tân Tiến		Hoàng Văn Hậu Nghề nghiệp: Làm ruộng Nguyễn Thị Huệ Nghề nghiệp: Làm ruộng	
16	Trần Xuân Kỳ 13/01/2003	Xóm 4 Tân Tiến	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Trần Văn Dinh, SN 1975 Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Toan, SN 1977 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
17	Nguyễn Viết Lợi 10/11/2004	Xóm 4 Tân tiến	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Viết Thắng, SN 1975 Nghề nghiệp; Làm ruộng Ngô Thị Lương, SN 1977 Nghề nghiệp; Làm ruộng	

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024 ĐI XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG
Thôn Nghĩa Vũ 7 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngạch. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Đỗ Đức Hoà. 26/9/1999	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Đỗ Đức Thành Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Hạnh Nghề nghiệp; Làm ruộng	
2	Nguyễn Hoàng Hiệp 19/11/1999	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Sáu Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Hương Nghề nghiệp; Làm ruộng	
3	Nguyễn Thành Vinh 23/3/2000	Xóm 05 Nghĩa Vũ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Diệu SN 1961 Nghề nghiệp: làm ruộng Hoàng Thị Dung SN 1971 Nghề nghiệp: làm ruộng	
4	Nguyễn Văn Huân 06/01/2001	Xóm 5 Nghĩa Vũ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Hưng SN: 1976 Nghề nghiệp; Làm ruộng Quách Thị Thư SN: 1981 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Phạm Văn Tám 29/9/2001	Xóm 6 Nghĩa Vũ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	Cao đẳng	Phạm Văn Vách, SN 1972 Nghề nghiệp: Làm ruộng Trần Thị Đào, SN 1978 Nghề nghiệp: Làm ruộng	
6	Nguyễn Văn Duy 05/9/2002	Xóm 5 Nghĩa Vũ	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Huân SN 1974 Nghề nghiệp: Làm ruộng Nguyễn Thị Xoa SN 1977 Nghề nghiệp: Làm ruộng	

7	Nguyễn Ngọc Khánh 09/01/2003	Xóm 5 Nghĩa Vũ	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Đình Thi Nghề nghiệp: Làm ruộng Lê Thị Sen Nghề nghiệp: Làm ruộng	
---	---------------------------------	-------------------	----------	-----------------------	---------------	---	--

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024 ĐI XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG
Thôn Duyệt Văn 08 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngành. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Hoàng Văn Luân 28/6/1998	Xóm 9 Duyệt văn	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	ĐH CNHN	Hoàng Văn Thường SN 1969 Nghề nghiệp: Làm ruộng - Lê Thị Mến SN 1968 Nghề nghiệp: Làm ruộng	
2	Hoàng Xuân Thắng 01/10/1998	Xóm 9 Duyệt Văn	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 ĐHBKHN	Hoàng Văn Toàn Nghề nghiệp: làm ruộng Hoàng Thị Hằng Nghề nghiệp: làm ruộng	
3	Hoàng Xuân Hiếu 22/5/1999	Duyệt Văn Mình Tân	Nhật bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Dương Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Lương Nghề nghiệp; Làm ruộng	
4	Lê Tuấn An 24/6/2000	Xóm 08 Duyệt Văn	Nhật bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Lê Văn Thư Nghề nghiệp; Làm ruộng Đỗ Thị Lương Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Phạm Ngọc Thái 20/5/2001	Xóm 9 Duyệt Văn	Nhật bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Phạm Văn Tuấn Nghề nghiệp; Làm ruộng Lê Thị Hà Nghề nghiệp; Làm ruộng	
6	Hoàng Xuân Bắc 31/10/2002	Xóm 9 Duyệt văn	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Toàn SN 1975 Nghề nghiệp: Làm ruộng Phạm Thị Thu Hoài SN 1984 Nghề nghiệp: Làm ruộng	

7	Hoàng Xuân Hào 13/4/2002	Xóm 9 Duyệt văn	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Tuấn Nghề nghiệp: Làm ruộng Nguyễn Thị Phương Nghề nghiệp: Làm ruộng	
8	Đỗ Duy Hào 09/10/2004	Xóm 09 Duyệt Văn	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Đỗ Trọng Đại Nghề nghiệp: Làm ruộng Đỗ Thị Huệ Nghề nghiệp: Làm ruộng	

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI SSNN Năm 2024 ĐI XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG
Thôn Duyệt Lễ 15 công dân

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngách. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Phạm Phong Hào 09/11/1997	Xóm 10 Duyệt lễ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 ĐH	Phạm Văn Khanh Nghề nghiệp; Làm ruộng Vũ Thị Huệ Nghề nghiệp; Làm ruộng	
2	Hoàng Tuấn Anh 1997	Xóm 9 Duyệt Văn	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	ĐH SPKTHY	Hoàng Văn Bộ Nghề nghiệp: làm ruộng Nguyễn Thị Nga Nghề nghiệp: làm ruộng	
3	Phạm Văn Tuấn 22/6/1998	Xóm 10 Duyệt lễ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 CĐ	Phạm Văn Dáng Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Thúy Nghề nghiệp; Làm ruộng	
4	Đỗ Văn Sơn 29/8/1999	Xóm 10 Duyệt Lễ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	ĐH BKHN	Nguyễn Thị Hạnh Nghề nghiệp; Làm ruộng Đỗ Văn Cao Nghề nghiệp; Làm ruộng	
5	Vũ Văn Hưởng 20/12/1999	Xóm 12 Duyệt Lễ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Tiêu SN 1962 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Côi SN 1965 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
6	Vũ Văn Hiệp 27/6/2000	Xóm 13 Duyệt Lễ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Nguyễn, SN Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Nào, SN Nghề nghiệp; Làm ruộng	

7	Hoàng Vũ Đạo 08/8/2000	Xóm 13- Duyệt lễ	Hàn Quốc	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Nhâm SN 1970 Nghề nghiệp; Làm ruộng Phạm Thị Xuyên SN 1974 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
8	Nguyễn Hữu Hiếu 03/11/2000	Xóm 10- Duyệt lễ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Hữu Chử Nghề nghiệp: (chết) Nguyễn Thị Vân Nghề nghiệp: làm ruộng	
9	Vũ Công Hùng 07/7/2000	Xóm 11- Duyệt lễ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Vũ Văn Minh Nghề nghiệp; Làm ruộng Ngô Thị Lạng Nghề nghiệp; Làm ruộng	
10	Hoàng Trung Kiên 27/6/2000	Xóm 12 Duyệt lễ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12	Hoàng Văn Bảy Nghề nghiệp; Làm ruộng Hoàng Thị Hiến Nghề nghiệp; Làm ruộng	
11	Hoàng Văn Thuận 08/10/2001	Xóm 13- Duyệt lễ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	11/12	Hoàng Văn Thiện SN; 1971 Nghề nghiệp; Làm ruộng Nguyễn Thị Phương SN; 1977 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
12	Nguyễn Văn Dũng 05/2/2001	Xóm 11- Duyệt lễ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Nguyễn Hữu Luân SN 1973 Nghề nghiệp: Làm ruộng Phạm Thị Quyên SN 1976 Nghề nghiệp: Làm ruộng	
13	Hoàng Văn Hiến 07/9/2001	Xóm 12 Duyệt lễ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Hà Nghề nghiệp: Làm ruộng Nguyễn Thị Minh Nghề nghiệp: Làm ruộng	
14	Hoàng Trường Vũ 04/01/2002	Xóm 13 Duyệt Lễ	Đài Loan	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Hoàng Văn Cao Nghề nghiệp: làm ruộng Vũ Thị Nhạn Nghề nghiệp: làm ruộng	

15	Phạm Văn Khiêm 03/02/2004	Xóm 12 Duyệt lễ	Nhật Bản	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Phạm Văn Nghiêm, SN 1983 Nghề nghiệp; Làm ruộng Phương Thị Thúy Vân, SN 1984 Nghề nghiệp; Làm ruộng	
----	------------------------------	--------------------	----------	-----------------------	---------------	--	--

Tổng : 47 Công dân (Thôn: Tân Tiến: 17 Nghĩa Vũ: 07 Duyệt Văn: 08 Duyệt Lễ: 15)

DANH SÁCH

Nam công dân trong độ tuổi từ 18- 27 tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ trong thời bình
Miễn làm nghĩa vụ Quân sự năm 2024
Thôn Tàn Tiến

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên cha, mẹ	Chỗ ở và nơi công tác	Tạm hoãn gọi nhập ngũ				Miễn gọi nhập ngũ				Văn hóa	Ghi chú
					Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khỏe;	Là lao động duy nhất trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động...	Có anh chị em ruột là HSQ- BS đang phục vụ tại ngũ	Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.	Con của liệt sĩ, con thương binh hạng một;	Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;	Một con của thương binh hạng hai, một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên . Một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.	Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, công an nhân dân	Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên;	
1	Vũ Văn Bình	1999	Vũ Văn Lý Nguyễn Thị Hoa	Xóm 3 Tàn Tiến				X					12/12 Đoàn	ĐH Thành Đông 9/2023
2	Nguyễn Viết Tân	23/5/1999	Nguyễn Văn Thiện Trần Thị Tiến	Xóm 2 Tàn Tiến	X								7/12	Xăm toàn thân Loại năm 2022 Văn hóa thấp
3	Nguyễn Văn Hậu	18/12/1999	Nguyễn Văn Dự Vũ Thị Sánh	Xóm 2 Tàn Tiến	X								12/12	Cận 3.5
4	Nguyễn Tuấn Anh	05/5/2000	Nguyễn Văn Liệu Trần Thị Cúc	Xóm 03 Tàn tiến		X							12/12 Đoàn	Lao động duy nhất

5	Nguyễn Văn Nam	08/8/2001	Nguyễn Văn Khánh Đặng Thị Thủy	Xóm 2 Tân Tiến	X										12/12 Đoàn	Loại năm 2022 Săm toàn thân
6	Trần Tổng Giang	04/3/2001	Trần Văn Khu Trần Thị Thoi	Xóm 4 Tân Tiến	X										12/12 Đoàn	Gãy Tay Trái
7	Trần Đức Minh	15/11/2002	Trần Văn Bình Trương Thị Yên	Xóm 4, Tân Tiến				X							12/12 Đoàn	ĐHCN Hà nội 09/2025
8	Nguyễn Thống Nhất	20/12/2002	Nguyễn Huy Tuấn Nguyễn Thị Thủy	Tân Tiến Minh Tân	X										12/12 Đoàn	Săm toàn thân
9	Đỗ Đình Vũ	24/01/2003	Đỗ Xuân Thanh Vũ Thị Bích	Xóm 1, Tân Tiến				X							12/12 Đoàn	ĐH GTVT 8/2025
10	Nguyễn Minh Hùng	09/2/2003	Nguyễn Văn Xanh Hoàng Thị Luân	Xóm 1 Tân Tiến				X							12/12 Đoàn	ĐHSPKTHY 9/2021- 9/2025
11	Phan Thanh Việt	16/10/2003	Phan Văn Khiết Nguyễn Thị Thuyết	Tân tiến Minh Tân				X							12/12 Đoàn	ĐH SPKTHY 8/2025
12	Nguyễn Danh Tuyên	26/10/2004	Nguyễn Văn Tùy Đình Thị Tuyền	Xóm 2, Tân tiến					X						12/12 Đoàn	Con thương binh hạng 1
13	Trần Công Tình	19/01/2004	Trần Văn Quế Nguyễn Thị Cải	Xóm 1 Tân tiến			X								12/12 Đoàn	Em ruột là HSQ
14	Trần Văn Kiên	09/7/2004	Trần Văn Thảo Nguyễn Thị Tiệp	Xóm 1 Tân tiến	X										12/12 Đoàn	Điếc bẩm sinh
15	Trần Trung Hiếu	07/9/2004	Trần Văn Hoi Nguyễn Thị Hà	Xóm 1 Tân tiến	X										9/12 Đoàn	Cận Loại năm 2023
16	Trần Minh Phúc	13/02/2004	Trần Văn Thắng Đoàn Thị Nghiêm	Xóm 1 Tân tiến				X							12/12 Đoàn	Cao Đẳng Công thương HN 10/2022
17	Trần Hưng Đạo	04/10/2004	Trần Văn Diễm Nguyễn Thị Soát	Xóm 4 Tân tiến				X							12/12 Đoàn	Cao đẳng Công thương HN 10/2022
18	Trần Đức Huy	26/6/2004	Trần Văn Quân Vũ Vân Anh	Xóm 4, Tân Tiến				X							12/12 Đoàn	CD KT-CN Bách khoa 9/2022
19	Trần Minh Vượng	03/10/2004	Trần Văn Huỳnh Quách Thị Tuyết	Xóm 4, Tân Tiến				X							12/12 Đoàn	ĐH CN Hà Nội 9/2022
20	Đỗ Trần Hợp	16/7/2004	Đỗ Trọng Hiền	Xóm 3				X							12/12 Đoàn	ĐH Công nghệ ĐH QG HN

[illegible]

DANH SÁCH

Nam công dân trong độ tuổi từ 18- 27 tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ trong thời bình
 Miễn làm nghĩa vụ Quân sự năm 2024
 Thôn Nghĩa Vũ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên cha, mẹ	Chỗ ở và nơi công tác	Tạm hoãn gọi nhập ngũ				Miễn gọi nhập ngũ				Văn hóa	Ghi chú
					Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khỏe;	Là lao động duy nhất tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động...	Có ảnh chi em ruột là HSQ- BS đang phục vụ tại ngũ	Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.	Con của liệt sĩ, con thương binh hạng một;	Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;	Một con của thương binh hạng hai, một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên. Một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.	Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, công an nhân dân	Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên;	
1	Nguyễn Văn Trung	04/02/1998	Nguyễn Văn Can Nguyễn Thị Tuệ	Xóm 5 Nghĩa vũ	X								ĐHSP-KTHY	Cụt 2 đốt ngón tay
2	Nguyễn Văn Trường	13/5/1999	Nguyễn Văn Ánh Nguyễn Thị Thu	Xóm 7 Nghĩa Vũ	X								12/12 Đoàn	Loại năm 2022 Săm, cặn
3	Phạm Văn Miến	29/6/2000	Phạm Văn Lũy Trần Thị Cảnh	Xóm 06 Nghĩa Vũ	X								6/12 Đoàn	Văn hóa thấp
4	Phạm Văn Tùng	04/7/2001	Phạm Văn Thọ Nguyễn Thị Hồi	Xóm 5 Nghĩa Vũ				X					12/12 Đoàn	ĐHSPKTHY 9/2020-9/2024
5	Nguyễn Đức Nam	03/12/2002	Nguyễn Đức Lai	Xóm 5				X					12/12 Đoàn	ĐH kiến trúc HN 09/2025

[illegible]

DANH SÁCH

Nam công dân trong độ tuổi từ 18- 27 tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ trong thời bình
Miễn làm nghĩa vụ Quân sự năm 2024
Thôn Duyệt Văn

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên cha, mẹ	Chỗ ở và nơi công tác	Tạm hoãn gọi nhập ngũ				Miễn gọi nhập ngũ				Văn hóa	Ghi chú
					Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khỏe;	Là lao động duy nhất trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động...	Có anh chị em ruột là HSQ- BS đang phục vụ tại ngũ	Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.	Con của liệt sĩ, con thương binh hạng một;	Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;	Một con của thương binh hạng hai, một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên . Một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.	Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân dân	Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên;	
1	Hoàng Văn Hoan	26/12/1999	Hoàng Văn Tài Nguyễn Thị Liên	Xóm 9 Duyệt Văn	X								ĐH 12/12	ĐH Y được thái bình Cận
2	Phạm Văn Uy	18/02/2001	Phạm Thanh Quân Vũ Thị Khuyên	Xóm 09 Duyệt Văn				X						ĐHKD và CN Hà nội 8/2019
3	Hoàng Vũ An	20/9/2001	Hoàng Văn Lợi Nguyễn Thị Thuần	Xóm 09 Duyệt Văn				X						ĐH Bách Khoa HN 8/2019
4	Hoàng Văn Tú	19/12/2002	Hoàng Minh Tân Trần Thị Tuyết Nhung	Duyệt Văn Minh Tân				X					12/12 Đoàn	ĐH SPKT HY 8/2024
5	Hoàng Bá Nam	11/8/2003	Hoàng Văn Phong	Xóm 09				X					12/12 Đoàn	ĐH Thủy lợi

[illegible]

DANH SÁCH

**Nam công dân trong độ tuổi từ 18- 27 tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ trong thời bình
Miễn làm nghĩa vụ Quân sự năm 2024
Thôn Duyệt Lễ**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên cha, mẹ	Chỗ ở và nơi công tác	Tạm hoãn gọi nhập ngũ				Miễn gọi nhập ngũ				Văn hóa	Ghi chú
					Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khỏe;	Là lao động duy nhất tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động...	Có anh chị em ruột là HSQ- BS đang phục vụ tại ngũ	Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.	Con của liệt sĩ, con thương binh hạng một;	Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;	Một con của thương binh hạng hai, một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên . Một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.	Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, công an nhân dân	Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên;	
1	Hoàng Hoài Bắc	01/7/1999	Hoàng Văn Lợi Nguyễn Thị Nga	Duyệt lễ	X								12/12	Mất Khúc xạ bẩm sinh
2	Phạm Văn Hiếu	06/4/2000	Phạm Văn Hiệu Nguyễn Thị Phương	Xóm 11 Duyệt lễ	X								12/12 Đoàn	Viêm gan viruts Loại năm 2023
3	Vũ Văn Tuấn	02/9/2000	Vũ Văn Phương Trần Thị Tuyết	Xóm 12 Duyệt Lễ	X								12/12 Đoàn	Gãy tay Khuỷnh khử tay Loại năm 2022
4	Phạm Văn Trường	13/6/2002	Phạm Ngọc Tiên Nguyễn Thị Mạ	Xóm 12 Duyệt Lễ	X								12/12 Đoàn	Loại năm 2022
5	Hoàng Mạnh Hà	16/10/2002	Hoàng Mạnh Phóng	Duyệt Lễ				X					12/12 Đoàn	ĐHSPKT HY 9/2020-9/2024

			Hoàng Thị Lan Anh	Minh Tân											
6	Hoàng Thanh An	18/12/2002	Hoàng Văn Khảm Hoàng Thị Châm	Duyệt Lễ Minh Tân				X						12/12 Đoàn	ĐHSPKT HY 9/2020-9/2024
7	Vũ Minh Đức	27/9/2002	Vũ Văn Lũy Trần Thị Nguyệt	Xóm 13 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐH GTVT 10/2020 10/2024
8	Hoàng Đức Anh	26/01/2002	Hoàng Văn Thảo Phạm Thị Mai Xuân	Xóm 12 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	Đại học FPT 10/2024
9	Nguyễn Trung Hiếu	18/3/2003	Nguyễn Văn Học Hoàng Thị Thương	Xóm 10 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐH Thái nguyên 8/2025
10	Phạm Quang Minh	22/9/2003	Phạm Văn Văn Doãn Thị Nguyệt	Xóm 12 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	Học viện Tài chính 8/2025
11	Đỗ Trọng Anh Hào	20/5/2003	Đỗ Trọng Hải Lê Thị Hà	Duyệt Lễ Minh Tân				X						12/12 Đoàn	ĐH GTVT 9/2021- 9/2025
12	Trần Quang Huy	10/9/2003	Trần Văn Phương Đỗ Thị Loan	Duyệt Lễ Minh Tân				X						12/12 Đoàn	ĐH Công nghệ GTVT 9/2021- 9/2025
13	Hoàng Văn Thảo	16/11/2004	Hoàng Văn-Bát Nguyễn Thị Hạnh	Xóm 10 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	Cao đẳng FPT 2022
14	Hoàng Duy Khánh	09/7/2004	Hoàng Văn Mỹ Nguyễn Thị Quyên	Xóm 10 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐH xây dựng HN 9/2022
15	Phạm Văn Hưng	04/7/2004	Phạm Văn Dầu Nguyễn Thị thu Hằng	Xóm 11 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐHSPKT Hưng Yên 9/2022
16	Trần Minh Đức	01/4/2004	Trần Ngọc Cơ Hoàng Thị Phương	Xóm 10 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐH kinh tế KTCN HN- 9/2022
17	Nguyễn Tùng Lâm	26/7/2004	Nguyễn Văn Toàn Lê Thị Ngọc Hà	Xóm 10 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐHSPKT Hưng Yên 9/2022
18	Hoàng Minh Hiếu	10/8/2004	Hoàng Văn Hòa Phan Thị Hương Giang	Xóm 13 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐHBK HN 9/2022
19	Nguyễn Quang Minh	04/01/2004	Nguyễn Hoàng Hợp Phan Thị Vân Anh	Xóm 12 Duyệt lễ				X						12/12 Đoàn	ĐHBK HN 9/2022
20	Phạm Thanh Bình	03/9/2004	Phạm Văn Thao Hoàng Thị Thu Hà	Xóm 12 Duyệt Lễ				X						12/12 Đoàn	ĐH Kinh doanh và công nghệ HN 9/2022

[illegible]

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG DÂN SẴN SÀNG NHẬP NGŨ VPPL

Số TT	- Họ, chữ đệm tên thường dùng - Họ, chữ đệm tên khai sinh - Ngày tháng năm sinh. - Số CMND, thẻ căn cước, số ĐD.	- Nghề nghiệp. - Nơi làm việc. - Nhóm, ngạch. - bậc lương.	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân. - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (Nếu có).	- Thành phần gia đình; - Thành phần bản thân;	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn	- Họ, tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ, tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Khen thưởng - Kỷ luật - Sức Khỏe
1	Lê Ngọc Hải 28/11/1999	Xóm 8 Duyệt Văn	Xóm 8 Duyệt Văn	Nông dân Phụ thuộc	12/12 Đoàn	Lê Đăng Hà Nghề nghiệp; Làm ruộng Đàm Thị Hương Nghề nghiệp; Làm ruộng	VPPL

TM. UBND XÃ



CHỦ TỊCH
HOÀNG VĂN THÀNH

TM. CÔNG AN XÃ



TRƯỞNG CÔNG AN XÃ
Đại úy. TỐNG VĂN NHUNG

TM. BAN CHQS XÃ



Huy Phó
Phạm Văn Tiến